TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MỸ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2021/ HNGĐ – ST.
Ngày: 29/ 01/ 2021.
"V/v ly hôn giữa chị H và anh H".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Xuân Quỳnh

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Văn Đạt và ông Vũ Minh Đón.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên toà***:** Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161 /2020 / TLST- HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-ST ngày 29/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/ 2021/ QĐST – HNGĐ ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1978 (có mặt).

2/ Bị đơn: Anh Chu Văn H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn Ố, xã Đ, huyện Y, tỉnh H.

3/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cháu Chu Ngọc H, sinh năm 1998 (có mặt)

3.2 Cháu Chu Tuấn A, sinh ngày 10/02/2005 (vắng mặt)

3.3 Cháu Chu Thị Tuyết A sinh ngày 08/01/2010 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Ố, xã Đ, huyện Y, tỉnh H.

4/ Những người làm chứng:

Ông Chu Văn H, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ố, xã Đ, huyện Y, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Chu Văn H năm 1996, khi đó anh H chưa đủ tuổi kết hôn nên chưa đăng ký, đến năm 1997 hai anh chị mới ra Ủy ban nhân dân xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình

chung sống anh H không chịu làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên theo bạn bè chơi bời và vi phạm pháp luật, từ năm 2008 đến năm 2017 anh H bốn lần bị Tòa án xét xử về các tội gây rối trật tự công cộng và trộm cắp tài sản. Khi anh H đi chấp hành án, chị ở nhà nuôi con và đi tiếp tế cho anh. Tháng 8 năm 2019 là lần thứ tư anh H đi cải tạo về, vợ chồng thường xuyên to tiếng với nhau, nguyên nhân do anh H ghen tuông, anh H thường xuyên chửi, đánh, đuổi đe dạo chị, do không chịu đựng được nên tháng 5 năm 2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ sinh sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là cháu Chu Thị H, sinh năm 1998 đã trưởng thành, cháu Chu Tuấn A, sinh ngày 10/02/2005 và cháu Chu Thị Tuyết A, sinh ngày 08/01/2010 đang sinh sống cùng chị, nếu ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Tuyết A và Tuấn A đến trưởng thành, chị không yêu cầu anh H đóng góp, cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản, công nợ và ruộng canh tác: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị H về thời gian kết hôn và quá trình chung sống, anh xác nhận từ năm 2008 đến năm 2018 anh đã bốn lần vi phạm pháp luật bị Tòa án xét xử về các tội trộm cắm và gây rối trật tự công cộng. Mỗi lần anh đi chấp hành án về thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian anh không có nhà thì chị H có quan hệ không trong sáng với người khác. Tháng 8 năm 2019 anh đi cải tạo về thì vợ chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vì chuyện tình cảm của chị H với người khác. Tháng 7 năm 2020 anh phát hiện chị H liên lạc điện thoại với người đàn ông khác, trong lúc nóng giận anh đã quá tháo đập vỡ điện thoại của chị H, nên chị H đã mang cháu Tuyết A về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh và gia đình đã đến gặp gỡ nói chuyện hàn gắn tình cảm gọi chị H về nhưng chị không về, anh muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, còn nếu chị H cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày là đúng, cháu H đã trưởng thành tự lo được cuộc sống, còn hai cháu Tuấn A và Tuyết A chưa trưởng thành, anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các cháu, nếu hai cháu đều có nguyện vọng với anh thì anh cũng đồng ý, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Năm 2004 vợ chồng xây ngôi nhà 01 tầng diện tích 50m^2 trên đất của bố mẹ anh cho vợ chồng, sau xây tầng hai, nay anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

Cháu Chu Tuấn A trình bày: Trong cuộc sống cháu chủ yếu sinh sống với mẹ vì bố liên tục bị đi cải tạo, khi bố cháu ở nhà thì bố mẹ cũng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn với nhau, lý do vì sao cháu không biết, tháng 7 năm 2020 bố mẹ mâu thuẫn, bố đuổi mẹ đi, nên mẹ cháu đã mang em Tuyết A về nhà ông bà ngoại sinh sống, cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu không đoàn tụ được cháu có nguyện vọng sinh sống với bố để ổn định cuộc sống.

Cháu Chu Tuyết A trình bày: Cháu không biết lý do vì sao bố mẹ phát sinh mâu thuẫn, khoảng tháng 7 năm 2020 cháu và mẹ về nhà ông bà ngoại sinh sống, cháu mong muốn bố mẹ về đoàn tụ, nếu không đoàn tụ được cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Người làm chứng ông Chu Văn H trình bày: Ông là bố đẻ của anh Chu Văn H, khi tổ chức lễ cưới cho anh H và chị H thì anh H chưa đủ tuổi kết hôn, nên chưa đăng ký, quá trình sinh sống hai anh chị đã đăng ký kết hôn theo quy định. Anh H thường xuyên vi phạm pháp luật bị đi cải tạo, trong thời gian anh H đi cải tạo chị H ở nhà làm ăn nuôi dạy các con, khi anh H về quê sinh sống thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, khoảng tháng 5 năm 2020 hai anh chị mâu thuẫn căng thẳng chị H đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nay ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Chu Văn H và chị Chu Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng than ngày 29/8/1997, quá trình sinh sống nhiều lần anh H vi phạm pháp luật phải đi cải tạo, khi về địa phương sinh sống thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Từ tháng 5 năm 2020 hai anh chị đã sống ly thân, quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa

Nguyên đơn chị Chu Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn với anh H, đối với con chung chị đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con. Về tài sản công nợ, công sức chị giữ nguyên ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và xác minh tại địa phương đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 48; 179; 195; 196; 203; 220 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70; 71 Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân dân sự, nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Khi chị Chu Thị H và anh Chu Văn H kết hôn hai anh chị chưa đăng ký, do anh H chưa đủ tuổi kết hôn, đến năm 1998 hai anh chị đã ra UBND xã Đồng Than đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của hai anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn anh H nhiều lần phải đi cải tạo, khi về địa phương sinh sống anh nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác, mâu thuẫn hai anh chị ngày càng trầm trọng, dẫn đến chị H phải mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nay đề nghị HĐXX

chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao chị H nuôi cháu Tuyết A, giao anh H nuôi cháu Tuấn A. Tài sản công nợ không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 13/01/2021 anh Chu Vă H vắng mặt không có lý do, nên HĐXX đã hoàn phiên tòa, tại phiên tòa này anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo nhiều lần cho các đương sự đến tham gia buổi hòa giải, nhưng anh H vắng mặt, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Chu Văn H khi về chung sống với nhau chưa đăng ký kết hoonm nhưng khi anh H đủ tuổi đăng ký thì hai anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ vào tháng 8 năm 1998, hai bên tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy theo Điều 8; 9 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai anh chị có thời gian hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu lao động làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, ngược lại anh nhiều lần vi phạm pháp luật, từ năm 2008 đến năm 2018 anh đã bốn lần bị Tòa án xét xử về hành vi trộm cắp tài sản và gây rối trật tự công cộng, khi được hòa nhập cuộc sống xã hội thì vợ chồng lại nghi ngờ nhau, dẫn đến phải ly thân, quá trình giải quyết Tòa án nhiều lần báo anh chị đến hòa giải, nhưng anh H đều vắng mặt, điều này chứng tỏ anh không còn tình cảm với chị H, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị H cương quyết giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, HĐXX xét thấy mục đích kết hôn hai anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị được ly hôn anh H.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh H có 03 con chung, trong đó cháu Chu Thị H đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng, cả hai anh chị cùng có quan điểm giải quyết theo nguyện vọng của các con, nên HĐXX giao cho anh Hoàn tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Chu Tuấn A giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Chu Thị Tuyết A đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hai bên được đến thăm và chăm sóc con, không ai được ngăn cấm, cản trở.

[5] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Chu Thị H phải chịu toàn bộ án phí không theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8; 9; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 24; 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) ban hàng kèm theo Nghị quyết.

2/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị H, xử chị Chu Thị H được ly hôn anh Chu Văn H.

3/ Về con chung: Giao cho chị Chu Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Chu Thị Tuyết A, sinh ngày 08/01/2010, giao anh Chu Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Chu Tuấn A, sinh ngày 10/02/2005 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác, hai bên không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau, được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

4/ Về tài sản, công nợ, công sức: Không giải quyết

5/ Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003311 ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, chị Huệ đã nộp đủ án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ;
Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ;
UBND xã Đ, huyện Y;
Các đương sự;
Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)
Ngô Xuân Quỳnh